

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm vào cuối phiên

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

DXS, FRT

[Cập nhật công ty]

MWG

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng trading khi giá của các cổ phiếu mục tiêu về quanh ngưỡng hỗ trợ.

27/03/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,052.25	+0.52
VN30	1,056.45	+0.48
HĐTL VN30F1M	1,047.30	+0.40
HNXIndex	206.67	+0.46
HNX30	367.43	+0.87
UPCoM	75.68	-0.64
USD/VND	23,519	-0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.56	+8
Lãi suất qua đêm (%)	1.73	+10
Dầu (WTI, \$)	70.06	+1.16
Vàng (LME, \$)	1,971.43	-0.34



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,052.25 (+0.52%)
KLGD (triệu CP) 510.5 (+3.9%)
GTGD (triệu U\$) 413.1 (+2.9%)

TTCK tăng điểm vào cuối phiên, trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng, chứng khoán với thanh khoản tăng cao. Khối ngoại mua ròng ở HPG (+2%), VHM (-1.2%), SSI (+2.7%).

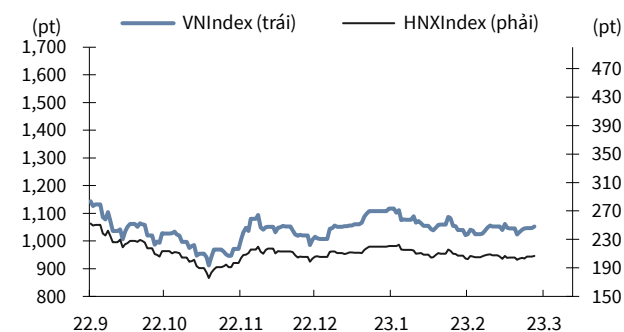
HNXIndex 206.67 (+0.46%)
KLGD (triệu CP) 63.3 (-5.9%)
GTGD (triệu U\$) 35.4 (-13.0%)

Giá thép giao kỳ hạn tháng 10/2023 hôm nay trên Sàn giao dịch Thương mại Hàng hóa Việt Nam tăng 2 nhân dân tệ, lên mức 4,040 nhân dân tệ/tấn. Trong khi đó, giá thép trong nước vẫn duy trì ở mức cao, với giá thép vằn thanh D10 CB300 ở mức khoảng 15.9 – 16 triệu đồng/tấn. Cổ phiếu ngành Thép tăng giá ở HSG (+2.83%), NKG (+2.52%).

UPCoM 75.68 (-0.64%)
KLGD (triệu CP) 20.0 (-34.3%)
GTGD (triệu U\$) 8.6 (-21.2%)

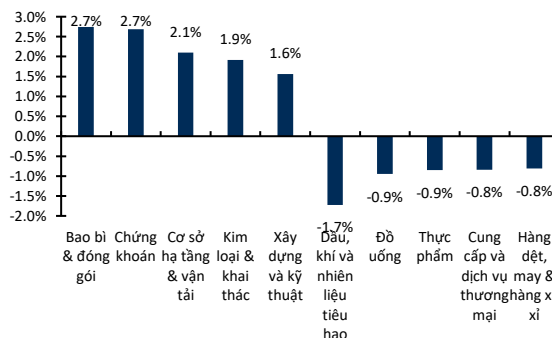
Hiệp hội Bất động sản TP HCM (HoREA) có văn bản số 2435/VP-ĐT ngày 24/03/2023 gửi Thủ tướng, nhằm đề xuất một số giải pháp về tín dụng và chuyển nhượng dự án để tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản. Cổ phiếu ngành Bất động sản tăng giá ở NVL (+6.72%), HBC (+2.77%).

VNIndex & HNXIndex



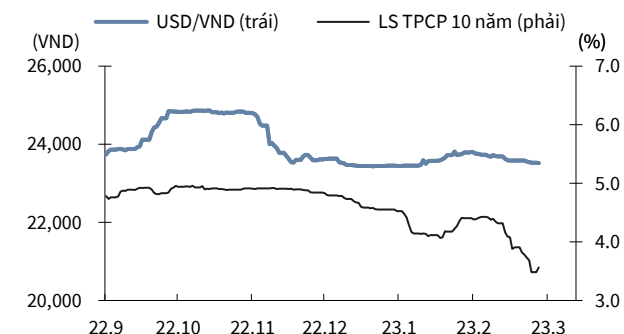
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



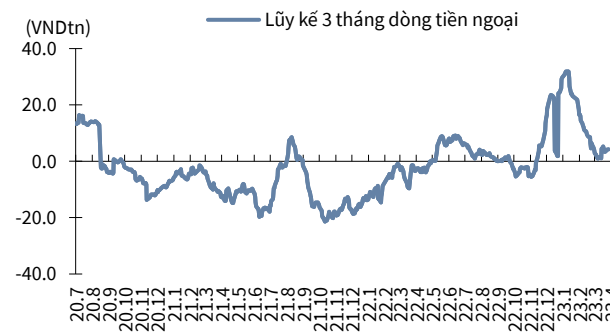
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,056.45 (+0.48%)
VN30F1M	1,047.3 (+0.40%)
Mở cửa	1,045.5
Cao nhất	1,052.5
Thấp nhất	1,040.6

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của chứng khoán cơ sở. Chênh lệch F2304 và chỉ số VN30 mở cửa tại -9.2 điểm, sau đó biến động trong biên độ âm suốt phiên, và đóng cửa tại -9.1 điểm. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ.

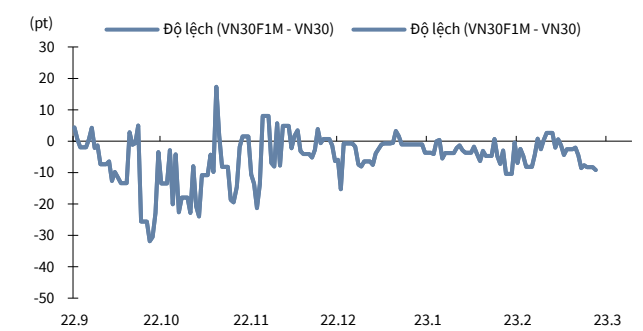
KLGD (HĐ) **313,688 (-2.0%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



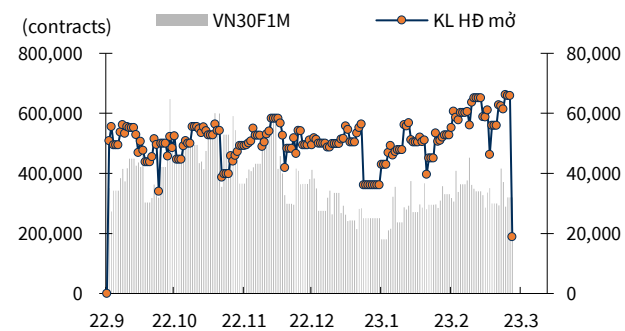
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



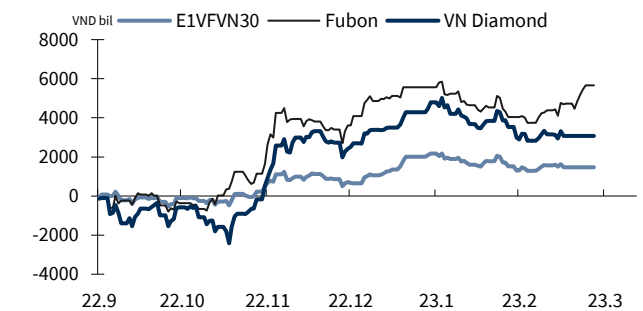
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

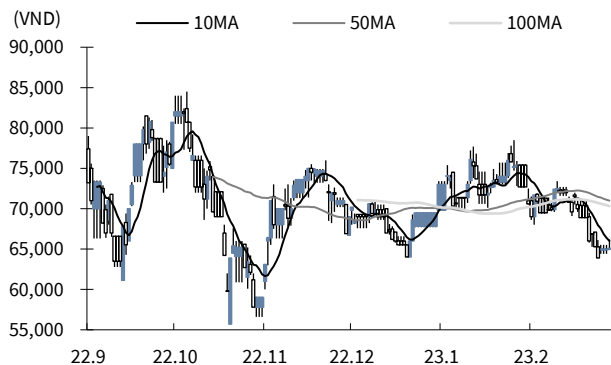
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

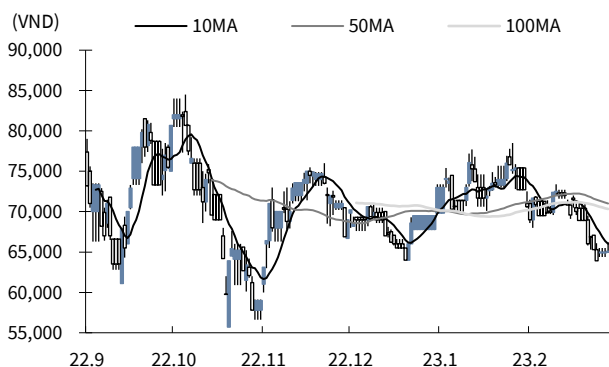
CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh (DXS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXS giảm 0.83% xuống 5,950 VND/cp
- CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh đặt mục tiêu năm 2023 doanh thu hợp nhất đạt 3,800 tỷ đồng và lợi nhuận ròng 126 tỷ đồng, giảm lần lượt 8% và 62% so với kết quả thực hiện năm 2022.
- Về kế hoạch cổ tức, DXS dự kiến không chia cổ tức cho năm 2022.

CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FRT tăng 0.15% lên 65,100 VND/cp
- CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT-FRT đặt kế hoạch năm 2023 doanh thu thuần đạt 34,000 tỷ đồng tăng 13% YoY và lợi nhuận trước thuế giảm 51% YoY xuống 240 tỷ đồng.

15/03/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh
linhpp@kbsec.com.vn

Suy giảm sức mua ảnh hưởng đến KQKD quý 4 và cả năm

Luỹ kế năm 2022, MWG ghi nhận doanh thu thuần (DTT) đạt 133,405 tỷ đồng (+8% YoY) và LNST đạt 4,102 tỷ đồng (-16% YoY). Theo kết quả này, công ty chưa thực hiện được kế hoạch KQKD năm 2022, chỉ hoàn thành 95% kế hoạch DTT và 65% kế hoạch LNST. So với dự phóng trước đó của chúng tôi, mức độ hoàn thành lần lượt là 96% và 80%.

Mảng ICT&CE vẫn khó khăn trong 1H2023

Niềm tin của người tiêu dùng vẫn bị ảnh hưởng đáng kể trước những lo ngại về rủi ro suy thoái của nền kinh tế. Chúng tôi cho rằng KQKD của chuỗi TGDD/ĐMX 1H2023 sẽ bị sụt giảm so với mức nền so sánh cao cùng kỳ, dấu hiệu hồi phục kỳ vọng xuất hiện từ quý 3 và sẽ rõ ràng hơn trong quý 4/2023.

Duy trì quan điểm khả quan với triển vọng của chuỗi Bách Hoá Xanh

Sau quá trình tái cấu trúc, BHX đang cho thấy hoạt động bền vững và ổn định hơn, dự kiến sẽ tiếp tục đóng góp 20-25% cơ cấu doanh thu cho MWG. Chúng tôi kỳ vọng doanh thu hàng tháng/cửa hàng sẽ duy trì ở mức 1.35-1.4 tỷ đồng trong năm 2023. Với kế hoạch mở mới, công ty sẽ mở một cách chọn lọc, ưu tiên tính hiệu quả thay vì tăng quy mô.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 47,200 VNĐ/cp

Năm 2023, DTT dự kiến đạt 132,722 tỷ đồng (-1.5% YoY) và LNST đạt 4,053 tỷ đồng (-1.2% YoY) trong kịch bản cơ sở, kỳ vọng có dấu hiệu hồi phục trong nửa cuối năm. DTT và LNST năm 2024 theo dự phóng của chúng tôi lần lượt đạt 140,407 tỷ đồng (+6% YoY) và 4,585 tỷ đồng (+13%). Khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu MWG, mức giá mục tiêu 47,200 VNĐ/cp, cao hơn 22% giá đóng cửa ngày 14/03/2023.

MUA

Giá mục tiêu VND47,200

Tăng/giảm (%)	25%
Giá hiện tại (14/03/2023)	38,600
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/triệu USD)	55.3/2.4

Dữ liệu giao dịch

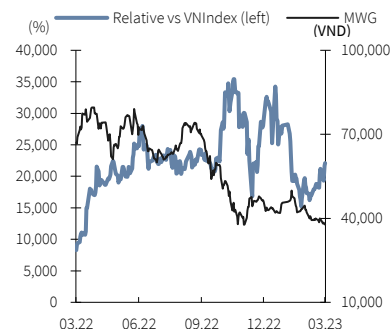
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	70%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	163.4/6.9
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ (10.48%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12I
Tuyệt đối	-10	-11	-44	-44
Tương đối	-11	-17	-33	-33

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	124,142	134,722	132,722	140,407
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	6,466	6,575	5,985	6,770
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	4,901	4,102	4,053	4,585
EPS (nghìn VND)	10,823	5,754	2,769	3,132
Tăng trưởng EPS (%)	-21%	-46%	-48%	13%
P/E (x)	12.7	13.6	13.7	12.1
P/B (x)	3.4	3.0	4.5	1.7
ROE (%)	24%	17%	17%	18%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	15%	5%	5%	15%



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, VNIndex dần hồi phục và tăng điểm nhẹ về cuối phiên.
- Lực bán chốt lời không quá mạnh kết hợp với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp chỉ số một lần nữa tiếp cận ngưỡng cản gần quanh 105x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1070 của VNIndex vẫn đang có phần chiếm ưu thế.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng tỷ trọng trading khi giá của các cổ phiếu mục tiêu về quanh ngưỡng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1060 - 1063

Kháng cự gần: 1052 - 1054

Hỗ trợ gần: 1043 - 1045

Hỗ trợ xa: 1038 - 1040

- Sau nhịp rung lắc đầu phiên, F1 sớm hồi phục và tăng điểm giảm co đến cuối phiên.
- Lực bán không quá mạnh kết hợp với lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp chỉ số một lần nữa tiếp cận ngưỡng cản gần quanh 105x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1070 của F1 vẫn đang có phần chiếm ưu thế.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở LONG quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

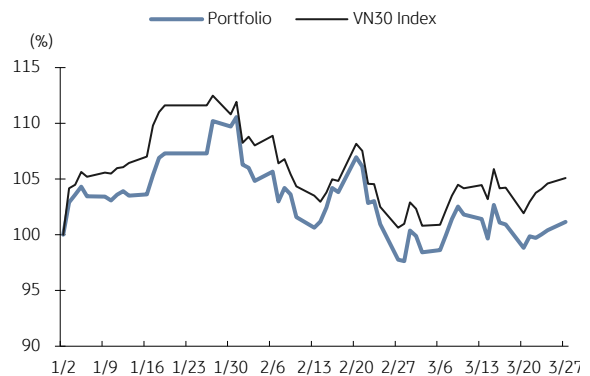
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.48%	0.74%
Tăng lũy kế (YTD)	5.10%	1.16%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/03/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	38,100	0.4%	-1.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	21,000	2.7%	0.2%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	78,200	-1.0%	36.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	21,900	-0.5%	-10.6%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	13,800	0.7%	-19.3%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	79,100	0.6%	226.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	28,750	0.9%	52.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	102,000	-0.4%	39.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	20,800	2.0%	86.8%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	23,050	2.0%	124.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	2.0%	23.4%	63.0
VHM	-1.2%	24.1%	50.2
SSI	2.7%	44.1%	34.9
VCB	2.3%	23.6%	26.3
POW	0.4%	7.7%	18.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.5%	55.8%	-63.5
MSN	-1.7%	30.7%	-56.7
GMD	3.4%	49.0%	-37.0
DGW	-1.2%	25.5%	-13.0
PVD	0.8%	23.2%	-12.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	20.9%	1.3
TNG	1.2%	13.0%	0.3
PLC	0.3%	1.3%	0.2
PVI	0.0%	59.6%	0.2
THD	0.3%	0.8%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	0.8%	1.1%	-0.6
NVB	2.0%	8.8%	-0.5
BCC	3.4%	1.2%	-0.2
CEO	0.5%	3.1%	-0.1
IDJ	1.2%	0.7%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	9.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Ngân hàng	4.9%	VCB, BID, VPB, TCB
Quản lý & phát triển bất động sản	4.8%	VHM, VIC, NVL, BCM
Xây dựng và kỹ thuật	4.4%	DIG, HDG, VCG, PC1
Kim loại & khai thác	3.9%	HPG, HSG, NKG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-1.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Đồ uống	-1.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Thực phẩm	-1.4%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tiện ích khí	-1.0%	GAS, PGD, PMG
Bảo hiểm	-0.9%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	12.1%	DRC, CSM, PAC, TNC
Chứng khoán	12.0%	SSI, VND, HCM, VCI
Hàng không dân dụng	10.1%	VJC, HVN
Quản lý & phát triển bất động sản	5.7%	VHM, VIC, NVL, BCM
Cơ sở hạ tầng & vận tải	3.8%	GMD, LGC, CII, HAH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-9.2%	MWG, FRT, CTF, HAX
Ngành chưa phân loại	-6.2%	CKG, PSH, NHH, ABS
Đồ gia dụng	-6.0%	TTF, GDT, EVE, SAV
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.2%	PLX, PGC, CNG, GSP
Thực phẩm	-4.7%	VNM, MSN, KDC, VHC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐtỷ, USDmn)	GTGD (VNĐtrệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	76,660 (3.2)	22.5	37.2	35.1	14.7	4.8	4.7	1.8	1.8	0.0	0.9	1.5	-0.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	115,704 (4.9)	26.6	6.6	6.6	35.9	20.4	17.6	1.3	1.1	-1.2	13.7	18.3	0.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	78,985 (3.3)	17.8	18.6	16.8	-7.6	9.9	10.3	1.8	1.7	0.2	1.0	13.8	11.4
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	135,857 (5.7)	31.3	5.4	3.8	6.7	6.5	-3.4	0.7	0.7	6.7	14.4	18.1	-9.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	27,998 (1.2)	11.6	21.2	14.4	13.7	8.7	12.5	1.5	1.4	0.4	3.7	4.9	0.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	163,378 (6.9)	13.9	15.8	20.9	-	5.3	3.8	0.8	0.9	2.5	9.5	23.9	-4.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	81,244 (3.4)	6.3	12.9	11.8	11.7	21.0	19.2	2.5	2.1	2.2	6.9	-1.9	13.8
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	37,184 (1.6)	12.7	12.2	10.3	-5.3	19.1	20.4	1.9	1.6	1.0	1.4	4.0	19.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	59,782 (2.5)	0.0	4.5	3.8	14.3	17.0	16.8	0.7	0.6	0.2	1.0	-1.9	2.5
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	57,064 (2.4)	1.4	7.7	6.8	50.3	16.6	17.7	1.1	1.1	0.9	2.7	4.4	5.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	372,911 (15.8)	0.0	9.9	8.1	18.8	13.4	14.1	1.2	1.1	0.5	7.9	25.0	18.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	119,795 (5.1)	0.0	4.5	3.9	14.6	22.4	20.8	0.9	0.7	1.1	3.8	4.1	5.0
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	39,544 (1.7)	4.2	4.5	4.3	23.3	23.2	19.7	1.0	0.8	0.8	2.2	7.7	14.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	459,622 (19.4)	14.0	6.0	4.4	26.5	21.4	24.0	1.0	0.8	1.8	5.4	8.1	13.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	99,710 (4.2)	0.0	4.9	4.1	37.4	19.8	19.9	0.9	0.7	-0.5	1.4	-5.8	4.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	60,043 (2.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.5	2.4	5.5	-17.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,613 (0.5)	21.0	16.5	14.0	15.8	10.4	11.2	1.7	1.6	0.0	-1.0	0.6	4.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	2,973 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.0	0.0	-1.4	14.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	313,945 (13.3)	55.4	20.1	16.5	-3.2	7.3	8.9	1.4	-	2.7	7.7	15.1	18.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	172,277 (7.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.1	14.3	27.0	37.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	121,243 (5.1)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.4	7.1	9.2	24.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	267,202 (11.3)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	1.0	7.7	15.3	14.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	103,259 (4.4)	42.1	17.8	16.0	4.0	29.8	32.1	4.9	4.6	-0.5	0.4	-0.8	-2.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,622 (1.3)	36.9	22.0	19.5	7.3	21.9	21.7	4.4	3.9	-1.0	-1.6	0.4	11.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	96,788 (4.1)	16.5	22.8	16.4	-51.9	11.6	16.3	3.3	2.9	-1.7	-5.9	-4.0	-17.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	10,364 (0.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	0.9	5.6	4.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	30,937 (1.3)	11.0	29.3	19.0	-88.5	16.4	27.8	-	-	0.3	0.9	8.1	-2.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	17,882 (0.8)	10.8	13.5	16.9	-57.0	23.7	12.1	1.8	1.7	3.4	3.2	5.7	13.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	43,434 (1.8)	38.4	21.8	9.0	65.7	3.0	7.3	-	-	1.4	2.8	13.5	14.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	79,471 (3.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	2.0	5.9	9.1	1.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	12,337 (0.5)	3.6	18.8	9.2	-52.4	1.9	3.8	0.4	0.3	1.5	9.1	19.4	21.6
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	11,652 (0.5)	0.0	10.1	8.9	-4.5	14.3	14.3	1.3	1.2	0.7	1.9	-0.7	-4.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	18,756 (0.8)	46.1	17.2	16.9	-17.5	19.9	18.0	3.1	3.3	-0.4	-1.0	-1.9	0.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	19,668 (0.8)	31.4	13.1	10.0	-10.5	14.2	18.1	1.8	1.7	2.1	0.4	0.4	-0.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,120 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	1.8	-7.0	-4.8	10.7
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	425,460 (18.0)	18.0	11.7	8.2	21.9	10.6	13.8	1.1	1.0	2.0	4.0	3.5	15.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	39,687 (1.7)	36.5	5.7	8.6	-0.5	17.9	13.0	0.9	0.9	0.3	0.9	-3.0	-21.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	66,461 (2.8)	46.5	8.3	8.1	-4.5	15.2	14.8	1.2	1.2	1.2	-0.2	4.0	-7.4
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	268,206 (11.3)	38.9	14.6	7.6	67.9	3.5	8.9	0.8	0.7	2.8	4.1	13.5	41.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	22,718 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.6	2.8	4.0	32.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	39,295 (1.7)	4.6	16.3	13.6	-51.0	11.1	11.7	1.8	1.7	-1.8	0.8	-3.6	12.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	82,912 (3.5)	39.9	26.7	13.0	-11.9	2.9	6.0	0.8	0.7	0.7	3.3	-3.8	13.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	46,227 (2.0)	35.9	7.5	6.7	2.2	14.3	14.6	1.0	0.9	-0.7	2.3	7.4	-7.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	64,857 (2.7)	0.0	11.8	8.6	14.4	17.7	21.3	2.1	1.7	0.4	0.0	-5.9	-11.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	20,125 (0.9)	0.0	13.1	10.9	2.4	22.8	22.9	2.5	2.2	-1.0	-2.3	2.8	-13.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	906 (0.0)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	0.4	-1.0	11.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	47,181 (2.0)	30.3	22.0	15.9	-75.2	19.8	22.1	3.5	2.9	0.2	-1.4	-7.8	-5.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	15,263 (0.6)	34.6	8.8	7.8	41.2	21.9	23.1	1.1	1.0	0.8	2.6	-1.7	1.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	419 (0.0)	45.4	13.1	12.0	10.7	21.7	20.8	2.6	2.3	-0.4	0.5	-3.0	10.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	53,433 (2.3)	0.0	14.0	11.7	15.5	28.0	29.0	3.3	2.8	0.6	1.9	-1.5	2.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOÍ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Nguyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu		
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành		
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.